

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**  
**KHOA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ & KINH TẾ SỐ**



**TIỂU LUẬN**

**HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**Đề tài: Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên  
khởi ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam**

Giảng viên hướng dẫn:

**Vũ Đức Năng**

Sinh viên/Nhóm thực hiện: (1)

**Lê Thị Quỳnh**

Lớp :

**Hoàng Thị Hồng Vi**

**Hoàng Ngọc Linh**

**Nguyễn Thùy Linh**

**Nguyễn Thị Quỳnh Giang**

**/Nhóm Số 12**

**KT17-01**

*Hà Nội, năm 2024*

# Mục lục

<b>LỜI CẢM ƠN</b>	1
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	2
1. Lý do tiến hành nghiên cứu	2
2. Mục tiêu nghiên cứu	3
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	3
6. Phạm vi nghiên cứu	4
7. Kết cấu của nghiên cứu	4
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ Ý ĐỊNH KHỎI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN</b>	5
1.1 Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên:	5
1.1.1 Ý định khởi nghiệp:	5
1.1.2 Ý định khởi nghiệp của sinh viên	6
1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên	6
1.2.1 Giả thuyết H1: Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	7
1.2.2 Giả thuyết H2: Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	7
1.2.3 Giả thuyết H3: Môi trường giáo dục có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên.	7
1.2.4 Giả thuyết H4: Kinh nghiệm có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	8
1.2.5 Giả thuyết H5: Sự đam mê có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên	8
1.2.6 Giả thuyết H6: Nguồn vốn có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên.	8

<i>1.3.. Mô hình nghiên cứu .....</i>	<i>9</i>
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 .....</b>	<b>9</b>
<b>CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM .....</b>	<b>10</b>
<b>2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM .....</b>	<b>10</b>
<i>2.1.1. Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế .....</i>	<i>10</i>
<i>2.1.2 Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế .....</i>	<i>11</i>
<i>2.1.3 Giới thiệu về cỡ mẫu khảo sát.....</i>	<i>12</i>
<b>2.2. THỰC TRẠNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM. ....</b>	<b>13</b>
<b>2.3. THỰC TRẠNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM.....</b>	<b>14</b>
<i>2.3.1. Thực trạng về thái độ đối với hành vi có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam. ....</i>	<i>14</i>
<i>2.3.2. Thực trạng quy chuẩn chủ quan có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam. ....</i>	<i>15</i>
<i>2.3.3. Thực trạng giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam .....</i>	<i>16</i>
<i>2.3.4. Thực trạng kinh nghiệm có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam. ....</i>	<i>17</i>
<i>2.3.5. Thực trạng đặc điểm tính cách có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam. ....</i>	<i>18</i>
<i>2.3.6. Thực trạng nguồn vốn có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam. ....</i>	<i>18</i>
<b>2.4. MỨC ĐỘ VÀ CHIỀU HƯỚNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM. ....</b>	<b>19</b>
<i>2.4.1. Phân tích nhân tố khám phá EFA.....</i>	<i>19</i>

2.4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo .....	23
2.4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính.....	25
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 2 .....</b>	<b>28</b>
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM .....</b>	<b>28</b>
3.1. Giải pháp về thái độ khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam: .....	28
3.2. Giải pháp về quy chuẩn khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:.....	28
3.3. Giải pháp về giáo dục khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:.....	29
3.4. Giải pháp về kinh nghiệm khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:.....	29
3.5. Giải pháp về tính cách khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:.....	29
3.6. Giải pháp về nguồn vốn khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:.....	29
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 3 .....</b>	<b>30</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>30</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>32</b>
<b>PHỤ LỤC DỮ LIỆU .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

**NHÓM SINH VIÊN THỰC HIỆN (2)**

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Nhiệm vụ	% đóng góp vào bài
1.	1774030149	Lê Thị Quỳnh	KT17-01	Chương 2	90%
2.	1774030179	Hoàng Thị Hồng Vi	KT17-01	Phân tích, chọn lọc, xử lý số liệu tổng hợp viết tiểu luận.	100%
3	1774030093	Hoàng Ngọc Linh	KT17-01	Chương 1	80%
4	177403094	Nguyễn Thùy Linh	KT17-01	Chương 3	85%
5	1774030037	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	KT17-01	Phần mở đầu	80%

**NHẬN XÉT**

**(Của giảng viên hướng dẫn)**

.....

.....

.....

.....

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Điểm	
				Điểm số	Điểm chữ
1.	1774030149	Lê Thị Quỳnh	KT17-01		
2.	1774030179	Hoàng Thị Hồng Vi	KT17-01		
3.	1774030093	Hoàng Ngọc Linh	KT17-01		
4.	177403094	Nguyễn Thùy Linh	KT17-01		
5.	1774030037	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	KT17-01		

Ngày 12 tháng 7 năm 2024

**CÁN BỘ CHẤM THI 1**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**CÁN BỘ CHẤM THI 2**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**Nội dung Báo cáo kết quả nghiên cứu:**

<b>STT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Mã SV</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>
1	Lê Thị Quỳnh	1774030149	Chương 2
2	Hoàng Thị Hồng Vi	1774030179	Phân tích, chọn lọc, xử lý số liệu tổng hợp viết tiểu luận.
3	Hoàng Ngọc Linh	1774030093	Chương 1
4	Nguyễn Thùy Linh	177403094	Chương 3
5	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	1774030037	Phần mở đầu

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin chân thành cảm ơn gửi Ban Giám hiệu và Hội đồng Khoa Thương Mại điện tử & kinh tế số Trường Đại học Đại Nam đã tạo điều kiện và hỗ trợ để em có thể thực hiện thành công đề tài nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam".

Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình từ các thầy cô giáo, đặc biệt là Thầy Vũ Đức Năng – Giảng viên ngành Khoa thương mại điện tử & kinh tế số, cũng như sự phối hợp tích cực từ các sinh viên tham gia khảo sát. Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến tất cả những người đã góp phần vào sự thành công của đề tài này.

Kết quả nghiên cứu đã cung cấp những thông tin quý giá về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường. Em hy vọng rằng những phát hiện này sẽ giúp nhà trường xây dựng các chương trình, chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và hỗ trợ sinh viên theo đuổi ước mơ kinh doanh của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!



## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Khởi nghiệp đang trở thành một xu hướng ngày càng phổ biến trong giới trẻ, đặc biệt là sinh viên các ngành kinh tế. Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam là cần thiết để có những chính sách hỗ trợ và khuyến khích sinh viên theo đuổi ước mơ trở thành doanh nhân.

### **Tóm tắt**

Bài viết này nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường Đại Học Đại Nam . Dựa trên bộ dữ liệu khảo sát 326 sinh viên năm nhất , năm hai, năm ba , năm tư và trên năm tư của trường Đại học Đại Nam kết quả đánh giá cho thấy ở mỗi nhân tố đều tác động lên ý định khởi nghiệp của sinh viên , chuyển ý định thành hành động và yếu tố khởi nghiệp thành công chi phối bởi nhiều nhóm nhân tố khác nhau. Do đó, căn cứ vào mỗi giai đoạn, các bên liên quan cần chuẩn bị những điều kiện tiền đề khác nhau để sinh viên dễ dàng tiếp cận và thúc đẩy khả năng khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại Học Đại Nam.

### **1. Lý do tiến hành nghiên cứu**

Việc khởi nghiệp ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt đối với sinh viên ngành kinh tế, vì nó mang lại cơ hội việc làm, phát triển kinh tế và thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế vẫn còn hạn chế, tính chủ động của sinh viên trong tìm kiếm việc làm, cũng như tạo lập doanh nghiệp (khởi nghiệp) chưa cao. Vậy những nhân tố nào tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên? Đây chính là lí do để tác giả thực hiện nghiên cứu này, nhằm

xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu : Tìm ra giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Mục tiêu nghiên cứu : Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. Đo lường mức độ tác động của các yếu tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trường đại học Đại Nam. Đề xuất một số hàm ý của nghiên cứu và các chính sách nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên.

## **3. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Tổng hợp và xây dựng cơ sở lý thuyết cho bài báo nghiên cứu

Nghiên cứu các bài báo các công trình nghiên cứu khoa học trước đó

Xây dựng mô hình nghiên cứu và bảng hỏi

Khảo sát thu thập dữ liệu

Phân tích dữ liệu và đưa ra kết luận

Đề xuất giải pháp

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu : Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, trường Đại học Đại Nam

Khách thể nghiên cứu : sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp thu thập dữ liệu: Nhóm đã tiến hành khảo sát 326 đối tượng dựa vào công cụ google form để thu thập dữ liệu

Phương pháp phân tích dữ liệu: Nhóm đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định Crombach Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phương pháp hồi quy để đưa ra kết quả tốt nhất

Dữ liệu nghiên cứu: Sử dụng cả các dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Đối với từng nhóm dữ liệu khác nhau có những phương pháp xử lý đặc trưng phụ thuộc vào bản chất dữ liệu và mục đích đó.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi không gian: Trường đại học Đại Nam

Phạm vi thời gian: từ 15/6/2024 đến 30/6/2024

Phạm vi cỡ mẫu: Nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 326 người và các phiếu này đều hợp lệ .

## **7. Kết cấu của nghiên cứu**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục..., bài nghiên cứu gồm 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận về ý định khởi nghiệp của sinh viên

Chương 2. Phân tích thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Chương 3. Giải pháp thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng biến động và phát triển, khởi nghiệp đã trở thành một xu hướng không thể bỏ qua. Đặc biệt, đối với sinh viên ngành kinh tế, khởi nghiệp không chỉ là một con đường để phát triển bản thân mà còn là một cơ hội để góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước. Bài tiểu luận này sẽ nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế, từ đó đưa ra những giải pháp và khuyến nghị nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong môi trường đại học.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

## 1.1 Lý luận chung về ý định khởi nghiệp của sinh viên:

### 1.1.1. Ý định khởi nghiệp:

Khởi nghiệp được định nghĩa là quá trình tạo lập và phát triển một doanh nghiệp mới. Ý định khởi nghiệp là mong muốn và sẵn sàng của một cá nhân để bắt đầu một hoạt động kinh doanh mới. Theo lý thuyết hành vi có kế hoạch (*Theory of Planned Behavior*) của *Ajzen (1991)*, ý định khởi nghiệp chịu ảnh hưởng bởi ba yếu tố chính: thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, chuẩn mực chủ quan và nhận thức về kiểm soát hành vi.

*Bird (1988)* quan niệm ý định khởi nghiệp của một cá nhân là trạng thái tâm trí, trong đó hướng đến việc hình thành một hoạt động kinh doanh mới hay tạo lập một doanh nghiệp mới. Ý định khởi nghiệp cũng được định nghĩa là ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp (*Souitaris, Zerbinati, & Al-Laham, 2007*). *Kuckertz và Wagner (2010)* khẳng định ý định khởi nghiệp bắt nguồn từ việc nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp. Đây là quá trình mạo hiểm nhằm tạo ra giá trị, khai thác cơ hội thị trường, và giải quyết các vấn đề xã hội qua các sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ đổi mới.

Nghiên cứu của *Dohse và Walter (2012)* đã đưa ra một khái niệm súc tích và gần gũi hơn so với các nghiên cứu trước về ý định khởi nghiệp, trong đó ý định khởi nghiệp là trạng thái của tâm trí trong việc sẵn sàng thực hiện tự kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc thành lập doanh nghiệp mới. Nó đòi hỏi sự sáng tạo, sự cống hiến và một nỗ lực không ngừng để biến các ý tưởng thành hiện thực và đóng góp vào cộng đồng. Dựa vào những khái niệm trên đều đã làm rõ về ý định khởi nghiệp, nhóm tác giả cũng đồng quan điểm trong bài nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ sử dụng khái niệm của tác giả *Bird* về ý định khởi nghiệp.

### **1.1.2 Ý định khởi nghiệp của sinh viên**

*Nghiên cứu của Liñán và Chen (2009):* Nghiên cứu dựa trên lý thuyết hành vi dự định (TPB) để khám phá ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả cho thấy thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp.

*Nghiên cứu của Zellweger et al. (2011):* Nghiên cứu vai trò của nguồn gốc gia đình trong ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên có gia đình kinh doanh có ý định khởi nghiệp cao hơn.

*Nghiên cứu của Shinnar et al. (2014):* Nghiên cứu so sánh ý định khởi nghiệp của sinh viên ở 3 quốc gia khác nhau (Mỹ, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ). Kết quả cho thấy có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp giữa các quốc gia, phản ánh sự ảnh hưởng của văn hóa.

*Nghiên cứu của Karimi et al. (2016):* Nghiên cứu ảnh hưởng của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả cho thấy giáo dục khởi nghiệp làm tăng ý định khởi nghiệp thông qua việc nâng cao nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi.

*Nghiên cứu của Jena (2020):* Nghiên cứu về tác động của đặc điểm cá nhân, môi trường và giáo dục đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả cho thấy các yếu tố này đều ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp. Các nghiên cứu trên cung cấp những cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn có giá trị để thiết kế nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế.

### **1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh**

Trong các nghiên cứu về mô hình khởi nghiệp, mô hình lý thuyết *nghiên cứu của Liñán và Chen (2009)* là một trong những mô hình phổ biến được sử dụng nhiều nhất để đo lường về ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu cho thấy thái độ, chuẩn chủ quan và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi có ảnh hưởng đáng kể đến ý định khởi nghiệp. Dự định thực hiện hành vi chịu tác động là gồm 6 yếu tố:

Thái độ đối với hành vi; Quy chuẩn chủ quan; Giáo dục khởi nghiệp; Kinh nghiệm; Đặc điểm tính cách; Nguồn vốn.

Theo *Liñán và Chen* thái độ đối với hành vi là thể hiện sự tác động của thái độ đối với hành vi lên ý định khởi nghiệp là một sự tác động cùng chiều, trong đó, thái độ của sinh viên có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp. Dựa vào các luận điểm trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H1 như sau:

1.2.1 Giả thuyết H1: Thái độ đối với hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Quy chuẩn chủ quan được tác giả Ajzen định nghĩa là các áp lực xã hội đến từ gia đình, bạn bè, người thân hay những người quan trọng đối với các sinh viên..., áp lực này có thể là sự kỳ vọng, ủng hộ hoặc không ủng hộ thực hiện hành vi khởi nghiệp, từ đó dẫn đến việc cá nhân sẽ quyết định thực hiện hoặc không thực hiện hành vi sau này. Dựa vào các quan điểm trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H2 như sau:

1.2.2 Giả thuyết H2: Quy chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Nhóm tác giả Isaacs, Visser, Friedrich, và Brijlal (2007) đã định nghĩa “giáo dục khởi nghiệp” là sự can thiệp có mục đích của các nhà giáo dục trong việc truyền đạt những kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết để người học có thể tồn tại được trong thế giới kinh doanh, giáo dục khởi nghiệp có sự ảnh hưởng tích cực đáng kể đến ý định tự kinh doanh. Từ những luận điểm trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H3 như sau:

1.2.3 Giả thuyết H3: Môi trường giáo dục có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Theo nhóm tác giả Obschonka, Silbereisen, và Schmitt-Rodermund (2010), kinh nghiệm trong nghiên cứu về khởi nghiệp được hiểu là những trải nghiệm trong việc làm thêm của sinh viên (làm bán thời gian, thực tập,...) có liên quan đến kinh doanh. T. T. Nguyen (2015) và Do (2016) bổ sung thêm kinh nghiệm còn là trải nghiệm với các vị trí quản lý mà sinh viên từng đảm nhiệm (chẳng hạn quản lý cấp lớp, cấp đoàn

thể trong nhà trường, câu lạc bộ...). Kinh nghiệm có liên quan chặt chẽ đến kinh doanh, bán hàng của sinh viên có ảnh hưởng cùng chiều đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên sau này. Dựa trên những luận điểm này, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H4 như sau:

1.2.4 Giả thuyết H4: Kinh nghiệm có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Theo Nga và Shamuganathan (2010), đặc điểm tính cách của một cá nhân được định nghĩa là hành vi, suy nghĩ hay cảm xúc của một con người. Đây là những đặc điểm bền vững, giải thích cho sự khác biệt của hành vi trong những tình huống tương tự nhau. Kickul và Gundry (2002) khi nghiên cứu về đặc điểm tính cách đã đo lường yếu tố này với các biến quan sát liên quan đến sự đổi mới và vượt qua trở ngại, giới xác định cơ hội và thích được thử thách với hiện trạng. Dựa trên những luận điểm này, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H5 như sau:

1.2.5 Giả thuyết H5: Sự đam mê có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên

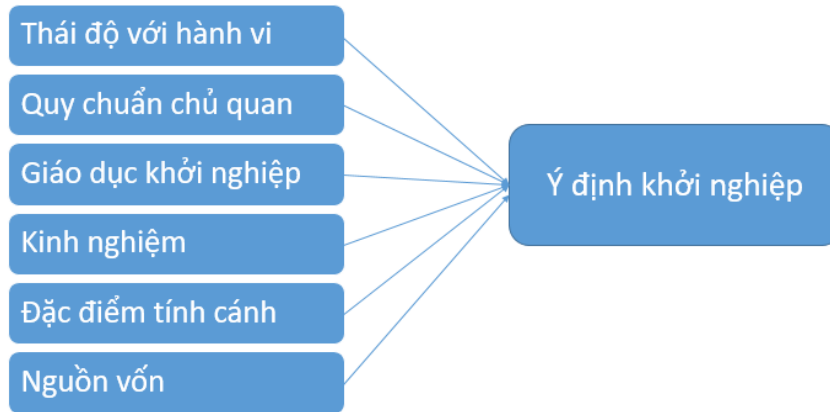
Theo Mazzarol, Volery, Doss, và Thein (1999), nguồn vốn là một khía cạnh hay một đặc điểm kinh tế. Trong nghiên cứu ở đây, nguồn vốn được hiểu là tiền được sử dụng cho hoạt động khởi nghiệp. Nguồn vốn có thể đến từ sự hỗ trợ của gia đình, bạn bè, từ sự vay mượn, từ sự tiết kiệm của cá nhân hoặc các nguồn hỗ trợ khác, hay từ các khoản chính sách hỗ trợ vốn cho thanh thiếu niên. Dựa trên những luận điểm này, nghiên cứu giả thuyết H6 như sau:

1.2.6 Giả thuyết H6: Nguồn vốn có ảnh hưởng cùng chiều với ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Các nghiên cứu trên cung cấp những cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn có giá trị để thiết kế nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên kinh tế.

### 1.3.. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên những khái niệm, mô hình nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả xin đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Trong mô hình nghiên cứu này, có 6 biến độc lập, trong đó có 30 biến quan sát, số mẫu tối thiểu phải có là  $30 \times 5 = 150$  mẫu. Để đảm bảo độ tin cậy của quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả phải chọn số lượng mẫu tối thiểu là 150 mẫu. Do đó, nhóm tác giả quyết định tiến hành phát phiếu khảo sát trực tiếp đồng thời tiến hành bảng khảo sát online. Sau khi kiểm tra loại bỏ những phiếu không hợp lệ còn lại 326 phiếu khảo sát. Dữ liệu thu thập được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS. Trong quá trình phân tích định lượng, nhóm tác giả sử dụng phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định hồi quy.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Như vậy dựa vào kết quả nghiên cứu, chương 1 đã cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của ý định khởi nghiệp của sinh viên. Đây là nền tảng quan trọng để tiến hành nghiên cứu thực nghiệm về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam trong chương tiếp theo.



## **CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

### **2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

#### ***2.1.1. Khái quát chung về nhà trường và khối ngành kinh tế***

Giới thiệu về Trường Đại học Đại Nam: Trường Đại học Đại Nam là một trong những trường đại học uy tín và có chất lượng đào tạo tốt tại Việt Nam. Trường được thành lập năm 1998 và hiện nay có 6 khoa/học viện, trong đó có Khoa Kinh tế và Kinh doanh. Trường có hơn 20.000 sinh viên theo học các chuyên ngành đào tạo, trong đó có khoảng 8.000 sinh viên thuộc khối ngành kinh tế.

Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế: Khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam bao gồm các chuyên ngành như: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kinh tế, Thương mại điện tử, Marketing, Logistic. Đây là những chuyên ngành truyền thống và phổ biến trong lĩnh vực kinh tế - quản lý, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Số lượng sinh viên theo học các chuyên ngành trong khối ngành kinh tế luôn đông đảo, chiếm khoảng 40% tổng số sinh viên của toàn trường.

Triển vọng nghề nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế: Các chuyên ngành trong khối ngành kinh tế mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp đa dạng như: quản lý doanh nghiệp, phân tích tài chính, kế toán, marketing, kinh doanh... Nhu cầu tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành kinh tế luôn ở mức cao do sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp, tập đoàn trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, xu hướng khởi nghiệp cũng đang ngày càng tăng lên trong nhóm sinh viên ngành

kinh tế. Như vậy, Trường Đại học Đại Nam và khối ngành kinh tế tại đây đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của sinh viên trong khối ngành này là vấn đề có ý nghĩa thiết thực.

### ***2.1.2 Giới thiệu về sinh viên khối ngành kinh tế***

Đặc điểm chung về sinh viên khối ngành kinh tế: Sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam bao gồm những sinh viên theo học các chuyên ngành như: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kinh tế, Thương mại điện tử, Marketing, Logistic. Đây là những sinh viên trẻ, đang trong độ tuổi từ 18 đến 24, với trình độ học vấn đại học, có đam mê và mong muốn theo đuổi sự nghiệp kinh doanh, quản lý. Số lượng sinh viên khối ngành kinh tế tại trường chiếm khoảng 40% tổng số sinh viên toàn trường, và luôn là một trong những nhóm đông đảo nhất.

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên khối ngành kinh tế có nhiều lựa chọn định hướng nghề nghiệp như: quản lý doanh nghiệp, phân tích tài chính, kế toán, marketing, kinh doanh... Ngoài việc tìm kiếm cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp, tập đoàn lớn, một số sinh viên cũng lựa chọn hướng khởi nghiệp, thành lập các dự án, start-up riêng. Xu hướng khởi nghiệp đang trở nên ngày càng phổ biến trong nhóm sinh viên ngành kinh tế, trở thành một lựa chọn nghề nghiệp tiềm năng.

Vai trò của ý định khởi nghiệp trong sinh viên khối ngành kinh tế: Ý định khởi nghiệp là yếu tố then chốt định hướng hành vi khởi nghiệp thực tế của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Thúc đẩy ý định khởi nghiệp trong sinh viên khối ngành kinh tế sẽ góp phần tạo nguồn nhân lực khởi nghiệp mới, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, nghiên cứu và hiểu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn quan trọng.

Tóm lại, sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam là nhóm đối tượng nghiên cứu quan trọng, với nhiều tiềm năng khởi nghiệp trong tương lai.

### 2.1.3 Giới thiệu về cỡ mẫu khảo sát

Dựa vào kết quả phân tích thống kê mẫu khảo sát ta có:

*Bảng 1: Bảng thống kê mẫu khảo sát*

STT	Nội dung	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Giới tính	Nữ	170	52,1
		Nam	156	47,9
		<b>Tổng</b>	<b>326</b>	<b>100</b>
2	Niên khoá	Năm 1	63	19,3
		Năm 2	120	36,8
		Năm 3	75	23,0
		Năm 4	50	15,3
		Trên năm thứ 4	18	5,5
		<b>Tổng</b>	<b>326</b>	<b>100</b>
3	Ngành học	Thương mại điện tử và kinh tế số	38	11,7
		Quản trị kinh doanh – marketing	99	30,4

		Logistics	44	13,5
		Kế toán	94	28,8
		Tài chính ngân hàng	51	15,6
		<b>Tổng</b>	<b>326</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)*

Từ bảng thống kê cho thấy, về giới tính: mẫu khảo sát bao gồm 52,1% sinh viên nữ và 47,9% sinh viên nam. Về niên khóa : mẫu khảo sát có sự phân bố tương đối đồng đều giữa các năm học, với tỷ lệ cao nhất là sinh viên năm 2 (36,8%). Về chuyên ngành : phần lớn sinh viên trong mẫu khảo sát là từ chuyên ngành Quản trị kinh doanh -marketing (30,4%), tiếp đến là Kế toán (28,8%), Tài chính ngân hàng (15,6%), logistic (13,5%) và thương mại điện tử- kinh tế số (11,7%). Kết quả cỡ mẫu khảo sát như trên là phù hợp với mục tiêu nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam là đáng tin cậy

## **2.2. THỰC TRẠNG Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM.**

Để đánh giá thực trạng ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam, chúng tôi sử dụng 3 biến quan sát. Kết quả khảo sát dữ liệu trên nhóm 326 sinh viên cho thấy như sau:

*Bảng 2: Bảng thống kê mô tả nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam*

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Mục tiêu nghề nghiệp của anh/chị là khởi sự kinh doanh	326	3,61
2	Anh/chị có mong muốn mạnh mẽ để khởi sự kinh doanh trong tương lai	326	3,58
3	Nếu có cơ hội, anh/chị sẽ khởi sự kinh doanh	326	3,64
4	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,61</b>

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của nhân tố ý định là 3,61 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại học Đại Nam ở mức đồng ý.

## 2.3. THỰC TRẠNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM.

### 2.3.1. Thực trạng về thái độ đối với hành vi có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam.

*Bảng 3. Bảng thống kê trung bình thái độ có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình

<b>1</b>	Việc trở thành chủ doanh nghiệp đối với anh/chị có lợi hơn bất lợi	326	3,74
<b>2</b>	Chủ doanh nghiệp là một nghề rất hấp dẫn đối với anh/chị	326	3,70
<b>3</b>	Anh/chị sẽ rất hài lòng khi làm chủ doanh nghiệp	326	3,73
<b>4</b>	Trong số các lựa chọn công việc khác nhau, anh/chị thích kinh doanh	326	3,75
<b>5</b>	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,73</b>

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của nhân tố thái độ với hành vi là 3,73 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy thái độ đối với hành vi có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

### **2.3.2. Thực trạng quy chuẩn chủ quan có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam.**

*Bảng 4: Bảng thống kê trung bình quy chuẩn chủ quan có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cỡ mẫu</b>	<b>Giá trị trung bình</b>
<b>1</b>	Gia đình luôn ủng hộ công việc của anh/chị	326	3,72
<b>2</b>	Bạn bè luôn ủng hộ công việc của anh/chị	326	3,65

<b>3</b>	Những người quan trọng khác đối với anh/chị luôn ủng hộ công việc của anh/chị	326	3,70
<b>4</b>	Anh/chị biết nhiều doanh nhân thành công	326	3,69
<b>5</b>	Anh/chị rất ngưỡng mộ những doanh nhân thành công	326	3,93
<b>6</b>	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,738</b>

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của quy chuẩn chủ quan là 3,738 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy quy chuẩn chủ quan có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

### **2.3.3. Thực trạng giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam**

*Bảng 5: Bảng thống kê trung bình giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cỡ mẫu</b>	<b>Giá trị trung bình</b>
<b>1</b>	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kiến thức cần thiết về kinh doanh	326	4,15
<b>2</b>	Tại trường đại học, anh/chị được cung cấp những kỹ năng cần thiết về kinh doanh	326	4,18
<b>3</b>	Tại trường đại học, anh/chị được khuyến khích tham gia cuộc thi “Sinh viên khởi nghiệp”	326	4,05

<b>4</b>	Anh/chị thường tự học để có kiến thức kinh doanh	326	4,10
<b>5</b>	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>4,12</b>

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của giáo dục khởi nghiệp là 4,12 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

#### **2.3.4. Thực trạng kinh nghiệm có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam.**

*Bảng 6: Bảng thống kê trung bình kinh nghiệm có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cỡ mẫu</b>	<b>Giá trị trung bình</b>
<b>1</b>	Anh/chị đã từng làm công việc liên quan đến kinh doanh	326	3,57
<b>2</b>	Anh/chị đã từng tham gia công tác quản lý (cán bộ lớp, cán bộ Đoàn,...)	326	3,66
<b>3</b>	Anh/chị đã từng là thành viên của câu lạc bộ kinh doanh trong hoặc ngoài nhà trường	326	3,64
<b>4</b>	Anh/chị đã từng tham gia các buổi hội thảo về kinh doanh	326	3,57
<b>5</b>	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,61</b>

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)



Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của kinh nghiệm là 3,61 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

### **2.3.5. Thực trạng đặc điểm tính cách có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam.**

*Bảng 7: Bảng thống kê trung bình tính cách có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

STT	Nội dung	Cỡ mẫu	Giá trị trung bình
1	Anh/chị là người dám đối mặt với trở ngại	326	3,58
2	Anh/chị là người rất giỏi trong việc xác định các cơ hội	326	3,54
3	Anh/chị là người thích tự lập	326	3,57
4	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,59</b>

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)*

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của đặc điểm tính cách là 3,59 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy đặc điểm tính cách có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

### **2.3.6. Thực trạng nguồn vốn có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam.**

*Bảng 8: Bảng thống kê trung bình nguồn vốn có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam.*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cỡ mẫu</b>	<b>Giá trị trung bình</b>
<b>1</b>	Anh/chị có thể vay, mượn tiền từ gia đình và bạn bè	326	3,48
<b>2</b>	Anh/chị có thể vay tiền từ các tổ chức tài chính (như ngân hàng, quỹ tín dụng)	326	3,52
<b>3</b>	Anh/chị có thể tích lũy vốn từ việc làm thêm hoặc tiết kiệm	326	3,55
<b>4</b>	Địa phương anh/chị có các chính sách hỗ trợ vốn cho thanh niên	326	3,51
<b>5</b>	<b>Trung bình</b>	<b>326</b>	<b>3,515</b>

*(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)*

Thực tế trên cho thấy, giá trị trung bình của nguồn vốn là 3,515 làm tròn lên ở mức 4, tương đương giá trị đồng ý. Điều này cho thấy nguồn vốn có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại Học Đại Nam ở mức đồng ý.

## **2.4. MỨC ĐỘ VÀ CHIỀU HƯỚNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM.**

### **2.4.1. Phân tích nhân tố khám phá EFA**

*Bảng 9: Bảng kết quả phân tích EFA của nhân tố phụ thuộc:*

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.777
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5626.325
	df	276
	Sig.	.000

Hệ số KMO = 0.777 > 0.5, sig Bartlett's Test = 0.000 < 0.05, như vậy phân tích nhân tố được chấp nhận với tập dữ liệu nghiên cứu.

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	5.499	22.914	22.914	5.499	22.914	22.914	3.900	16.249	16.249
2	3.658	15.241	38.155	3.658	15.241	38.155	3.369	14.036	30.285
3	3.196	13.318	51.473	3.196	13.318	51.473	3.348	13.948	44.233
4	2.251	9.378	60.851	2.251	9.378	60.851	2.990	12.458	56.691
5	2.026	8.442	69.293	2.026	8.442	69.293	2.665	11.106	67.797
6	1.636	6.818	76.111	1.636	6.818	76.111	1.995	8.314	76.111
7	.679	2.831	78.942						
8	.568	2.369	81.311						
9	.514	2.142	83.453						
10	.469	1.955	85.408						
11	.445	1.855	87.264						
12	.420	1.749	89.013						
13	.385	1.606	90.619						
14	.347	1.446	92.065						
15	.328	1.366	93.430						
16	.285	1.186	94.616						
17	.250	1.043	95.659						
18	.229	.953	96.612						
19	.220	.915	97.526						
20	.185	.769	98.295						
21	.143	.596	98.891						
22	.129	.536	99.427						
23	.092	.382	99.809						

24	.046	.191	100.000						
----	------	------	---------	--	--	--	--	--	--

Có 6 nhân tố được trích dựa vào tiêu chí Eigenvalue (1.636) lớn hơn 1, như vậy 6 nhân tố này tóm tắt thông tin của 24 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng phương sai mà 6 nhân tố này trích được là 76,11% > 50% cho thấy mô hình EFA là phù hợp. Như vậy 6 nhân tố được trích cô đọng được 76,11% biến thiên dữ liệu của 24 biến quan sát tham gia vào EFA.

<b>Rotated Component Matrix<sup>a</sup></b>						
	Component					
	1	2	3	4	5	6
QC5	.937					
QC4	.886					
QC2	.862					
QC1	.859					
QC3	.828					
KN4		.918				
KN2		.909				
KN3		.895				
KN1		.882				
NV4			.928			
NV3			.922			
NV1			.886			
NV2			.862			
GD4				.881		
GD3				.838		
GD2				.825		
GD1				.812		
TD1					.835	
TD3					.790	
TD4					.779	
D2					.773	
TC3						.834
TC2						.774
TC1						.757

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Kết quả ma trận xoay cho thấy, 24 biến quan sát được phân thành 6 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0.5.

Như vậy, phân tích nhân tố khám phá EFA cho các biến độc lập được thực hiện một lần. 24 biến quan sát hội tụ và phân biệt thành 6 nhân tố.

*Bảng 10: Bảng kết quả phân tích EFA của nhân tố độc lập:*

<b>KMO and Bartlett's Test</b>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.734
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	454.208
	df	3
	Sig.	.000

<b>Total Variance Explained</b>						
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2.351	78.375	78.375	2.351	78.375	78.375
2	.355	11.822	90.197			
3	.294	9.803	100.000			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

<b>Component Matrix<sup>a</sup></b>	
	Component 1
YD3	.893
YD2	.891
YD1	.872

Extraction Method: Principal Component Analysis.

a. 1 components extracted.

*(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)*

Kết quả phân tích cho thấy có một nhân tố được trích tại Eigenvalue bằng 2.351 >

1. Nhân tố này giải thích được 78.375% biến thiên dữ liệu của 3 biến quan sát tham gia vào EFA.

#### 2.4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

*Bảng 11: Bảng kết quả Cronbach's Alpha của các biến trong thang đo ý định khởi nghiệp của sinh viên .*

TT	Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
<b>Yếu tố 1: Thái độ Alpha =.826</b>					
1	TD1	11.18	2.631	.677	.768
2	TD2	11.22	2.851	.626	.792
3	TD3	11.19	2.745	.644	.783
4	TD4	11.17	2.666	.657	.778
<b>Yếu tố 2: Quy chuẩn Alpha =.928</b>					
1	QC1	14.97	8.543	.784	.916
2	QC2	15.04	8.559	.789	.915
3	QC3	14.98	8.877	.738	.925
4	QC4	15.00	8.295	.832	.907
5	QC5	14.76	8.189	.912	.891

<b>Yếu tố 3: Giáo dục : Alpha =.885</b>					
1	GD1	12.32	5.695	.680	.878
2	GD2	12.29	5.359	.746	.853
3	GD3	12.43	4.941	.780	.840
4	GD4	12.38	5.091	.795	.834
<b>Yếu tố 4: Kinh nghiệm : Alpha =.932</b>					
1	KN1	10.87	6.468	.824	.917
2	KN2	10.78	6.747	.839	.911
3	KN3	10.79	6.675	.838	.911
4	KN4	10.86	6.919	.863	.904
<b>Yếu tố 5: Tính cách : Alpha =.735</b>					
1	TC1	7.11	1.524	.513	.704
2	TC2	7.14	1.551	.521	.693
3	TC3	7.12	1.359	.648	.539
<b>Yếu tố 6: Nguồn vốn : Alpha =.933</b>					
1	NV1	10.59	5.843	.817	.921
2	NV2	10.55	5.904	.784	.931
3	NV3	10.52	5.598	.876	.901

4	NV4	10.56	5.540	.893	.896
<b>Yếu tố 7: Ý định : Alpha = .860</b>					
1	YD1	7.22	1.446	.715	.824
2	YD2	7.25	1.389	.749	.792
3	YD3	7.19	1.219	.752	.794

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Như vậy thang đo được đánh giá và sàng lọc sơ bộ bằng phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy tất cả các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha trên 0.7, đạt yêu cầu về độ tin cậy. Điều này cho thấy các biến quan sát trong mỗi thang đo có mối liên kết chặt chẽ với nhau, đo lường cùng một khái niệm.

#### 2.4.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

*Bảng 12: Bảng kết quả phân tích hồi quy tuyến tính*

<b>Model Summary<sup>b</sup></b>					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.788 <sup>a</sup>	.621	.614	.349131207726371	1.766
a. Predictors: (Constant), NV, KN, QC, TD, TC, GD					
b. Dependent Variable: YD					

Giá trị R bình phương hiệu chỉnh bằng 0.614 cho thấy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 61.4% sự biến thiên của biến phụ thuộc, còn lại 38.6% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Kết quả bảng này cũng đưa ra giá trị *Durbin-Watson* để đánh giá hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Giá trị DW = 1.766, nằm trong khoảng 1.5 đến 2.5 nên kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất.



ANOVA <sup>a</sup>						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	63.752	6	10.625	87.170	.000 <sup>b</sup>
	Residual	38.884	319	.122		
	Total	102.636	325			
a. Dependent Variable: YD						
b. Predictors: (Constant), NV, KN, QC, TD, TC, GD						

Bảng ANOVA cho chúng ta kết quả kiểm định F để đánh giá giả thuyết sự phù hợp của mô hình hồi quy. Giá trị sig kiểm định F bằng  $0.000 < 0.05$ , do đó, mô hình hồi quy là phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

Coefficients <sup>a</sup>								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-.649	.197		-3.304	.001		
	TD	.270	.039	.257	7.001	.000	.880	1.136
	QC	.127	.028	.163	4.580	.000	.942	1.062
	GD	.241	.028	.322	8.596	.000	.846	1.182
	KN	.166	.024	.252	6.977	.000	.908	1.101
	TC	.171	.036	.173	4.724	.000	.881	1.135
	NV	.164	.026	.231	6.357	.000	.901	1.110
a. Dependent Variable: YD								

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu trên SPSS)

Bảng Coefficients cho chúng ta kết quả kiểm định t để đánh giá giả thuyết ý nghĩa hệ số hồi quy, chỉ số VIF đánh giá đa cộng tuyến và các hệ số hồi quy. Các biến TD, QC, GD, KN, TC, NV đều có sig kiểm định t nhỏ hơn 0.05, do đó các biến

này đều có ý nghĩa thống kê, đều tác động lên biến phụ thuộc YD . Hệ số hồi quy các biến độc lập này đều mang dấu dương, như vậy các biến độc lập có tác động thuận chiều lên biến phụ thuộc.

Kết luận giả thuyết:

H1: Thái độ ( TD) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

H2: Quy chuẩn ( QC) ) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

H3: Giáo dục ( GD) ) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

H4: Kinh nghiệm ( KN) ) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

H5: Tính cách ( TC) ) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

H6: Nguồn vốn ( NV) ) tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ( Chấp nhận)

Hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 10, trong trường hợp này thậm chí nhỏ hơn 2, do vậy dữ liệu không vi phạm giả định đa cộng tuyến.

Từ các hệ số hồi quy, chúng ta xây dựng được phương trình hồi quy chuẩn hóa của bài nghiên cứu là:

$$YD=0.322* GD+0.257*TD+0.252*KN+0.231*NV+0.173*TC + 0.163*QC+ e$$

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Tóm lại, chương 2 đã xác định 6 nhân tố chính ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam, bao gồm thái độ, quy chuẩn, giáo dục khởi nghiệp, kinh nghiệm khởi nghiệp, đặc điểm tính cách và nguồn vốn khởi nghiệp. Các nhân tố này cần được quan tâm và phát triển để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên, góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực khởi nghiệp chất lượng cao.

## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

### **3.1. Giải pháp về thái độ khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:**

Tổ chức các hoạt động truyền cảm hứng, giao lưu với các doanh nhân thành công để sinh viên có thái độ tích cực, tin tưởng vào khả năng khởi nghiệp của bản thân.

Tạo môi trường học tập, hoạt động đầy thử thách và cơ hội để sinh viên rèn luyện tư duy, kỹ năng khởi nghiệp.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên thực hành, trải nghiệm các ý tưởng kinh doanh.

### **3.2. Giải pháp về quy chuẩn khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế Trường Đại học Đại Nam:**

Xây dựng bộ tiêu chuẩn, kỹ năng cần có cho một nhà khởi nghiệp thành công.

Thiết kế các hoạt động, chương trình đào tạo để giúp sinh viên đạt được các quy chuẩn này.

Tạo cơ chế nhận diện, động viên và trao giải thưởng cho những sinh viên xuất sắc trong khởi nghiệp.

### **3.3. Giải pháp về giáo dục khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế**

#### **Trường Đại học Đại Nam:**

Tích hợp các môn học về khởi nghiệp, kinh doanh vào chương trình đào tạo chính quy.

Tổ chức các khóa học, hội thảo, workshop về kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên.

Liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội thực tế, trải nghiệm khởi nghiệp.

### **3.4. Giải pháp về kinh nghiệm khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế**

#### **Trường Đại học Đại Nam:**

Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các dự án khởi nghiệp thực tế tại trường hoặc các doanh nghiệp.

Khuyến khích và hỗ trợ sinh viên thành lập các câu lạc bộ, nhóm khởi nghiệp.

Kết nối sinh viên với các chương trình, cộng đồng khởi nghiệp ngoài trường.

### **3.5. Giải pháp về tính cách khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế**

#### **Trường Đại học Đại Nam:**

Xây dựng các chương trình rèn luyện, phát triển các phẩm chất, tính cách cần thiết cho nhà khởi nghiệp.

Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, thử thách bản thân để nâng cao tính sáng tạo, dám nghĩ dám làm.

Tạo cơ chế động viên, khen thưởng để sinh viên không ngại rủi ro, linh hoạt thích nghi.

### **3.6. Giải pháp về nguồn vốn khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế**

#### **Trường Đại học Đại Nam:**

Thiết lập các quỹ, nguồn tài chính hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp từ nhà trường, các doanh nghiệp, tổ chức.

Kết nối sinh viên với các nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm.

Cung cấp kiến thức, kỹ năng về quản trị tài chính, gọi vốn, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho sinh viên.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Trong chương này, chúng tôi đã đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam, bao gồm:

Những giải pháp này nhằm trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam những kiến thức, kỹ năng và môi trường cần thiết để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của họ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh doanh và entrepreneurship trong nhà trường.

### **KẾT LUẬN**

Trong luận văn này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam. Qua quá trình khảo sát, phân tích và đề xuất các giải pháp, chúng tôi rút ra một số kết luận chính như sau:

Việc nâng cao kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp thông qua bổ sung các môn học và tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm là hết sức cần thiết để thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên. Cần có sự hỗ trợ tài chính và xây dựng môi trường khởi nghiệp thuận lợi, như quỹ hỗ trợ tài chính, không gian làm việc chung, dịch vụ ươm tạo khởi nghiệp, để giúp sinh viên triển khai các dự án khởi nghiệp. Sự kết nối và hợp tác giữa trường đại học, các tổ chức, doanh nghiệp là yếu tố then chốt để mang lại nguồn lực, cơ hội đầu tư và ươm tạo cho các ý tưởng khởi nghiệp tiềm năng của sinh viên. Thông qua những kết luận trên, chúng tôi hy vọng những đề xuất giải pháp trong luận văn sẽ góp phần thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành

kinh tế tại Trường Đại học Đại Nam, đồng thời là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu tương lai.

Tôi xin lưu ý rằng về đề tài nghiên cứu còn gặp một số khó khăn: Đề tài này chỉ tập trung vào sinh viên khối ngành kinh tế của Trường Đại học Đại Nam, trong khi ý định khởi nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác như văn hóa, chính sách, môi trường kinh doanh. Với việc giới hạn trong trường đại học, số lượng mẫu có thể bị hạn chế, ảnh hưởng đến độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu có thể không đại diện cho toàn bộ sinh viên khối ngành kinh tế, và khó có thể áp dụng cho các trường đại học khác.

Dựa trên những hạn chế của việc giới hạn đề tài nghiên cứu, tôi có một số hướng nghiên cứu tiếp theo sau đây có thể được xem xét: Mở rộng phạm vi nghiên cứu ý định khởi nghiệp của sinh viên ở các trường đại học khác trong khu vực hoặc trên phạm vi toàn quốc. Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên từ các ngành học khác, không chỉ giới hạn ở khối ngành kinh tế. Phân tích chi tiết các nhân tố như động lực, môi trường, hỗ trợ từ trường đại học, v.v. Tìm hiểu sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên (ví dụ: nam/nữ, năm học, ngành học, v.v.). Thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu với sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng. Đánh giá hiệu quả của các chương trình, chính sách khởi nghiệp do trường đại học triển khai. Đề xuất các giải pháp cụ thể để thúc đẩy ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên. Việc mở rộng phạm vi nghiên cứu, đi sâu vào các yếu tố ảnh hưởng, kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, và nghiên cứu về các can thiệp chính sách sẽ giúp nghiên cứu đạt được kết quả tốt hơn và có ý nghĩa thực tiễn hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen, I., "The theory of planned behavior. Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50(2), 179-211.," 1991.
- [2] Autio, E., H. Keeley, R. Klofsten, M., GC Parker, G. and Hay, M., "Entrepreneurial intent among students in Scandinavia and in the USA. Enterprise and Innovation Management Studies, 2(2), 145-160.," 2001.
- [3] Davidsson, P., "Determinants of entrepreneurial intentions. RENT IX Conference, Piacenza, Italy, 23-24.," 1995.
- [4] Liñán, F., & Chen, Y. W., "Development and cross-cultural application of a specific instrument to measure entrepreneurial intentions. Entrepreneurship Theory and Practice, 33(3), 593-617.," 2009.
- [5] iñán, F., Rodríguez-Cohard, J. C., & Rueda-Cantuch, "iñán, F., Rodríguez-Cohard, J. C Factors affecting entrepreneurial intention levels: a role for education. International Entrepreneurship and Management Journal, 7(2), 195-218.," 2011.
- [6] C. & F. N. T. ' a. Lüthje, "Lüthje, C., The 'making' of an entrepreneur: testing a model of entrepreneurial intent among engineering students at MIT. R&D Management, 33(2), 135-147.," 2003.
- [7] Saeed, S., Yousafzai, S. Y., Yani-De-Soriano, M., , "SaThe role of perceived university support in the formation of students' entrepreneurial intention. Journal of Small Business Management, 53(4), 1127-1145.," 2005.
- [8] Tkachev, A., & Kolvereid, L. Self-employe, "Self-employment intentions among Russian students. Entrepreneurship & Regional Development, 11(3), 269-280.," 1999.
- [9] Liên, N. H. , “ Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.,” 2019.
- [10] Thắng, N. V. , “ Nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tài chính - Kế toán. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Tài chính - Kế toán,” 2020.

## PHỤ LỤC DỮ LIỆU

### 1. Thống kê khảo sát

Bảng 1: Bảng thống kê mẫu khảo sát .....	12
--	----

## 2. Thống kê mô tả

Bảng 2. Bảng thống kê mô tả nhân tố ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam .....	13
---	----

Bảng 3. Bảng thống kê trung bình thái độ có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	14
---	----

Bảng 4. Bảng thống kê trung bình quy chuẩn chủ quan có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	15
--	----

Bảng 5. Bảng thống kê trung bình giáo dục khởi nghiệp có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	16
--	----

Bảng 6: Bảng thống kê trung bình kinh nghiệm có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	17
---	----

Bảng 7: Bảng thống kê trung bình tính cách có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	18
---	----

Bảng 8: Bảng thống kê trung bình nguồn vốn có ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, Trường Đại học Đại Nam. ....	19
---	----

## 3. Phân tích EFA

Bảng 9: Bảng kết quả phân tích EFA của nhân tố phụ thuộc: .....	19
---	----

Bảng 10: Bảng kết quả phân tích EFA của nhân tố độc lập: .....	22
--	----

## 4. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Bảng 11: Bảng kết quả Cronbach's Alpha của các biến trong thang đo ý định khởi nghiệp của sinh viên . ....	23
--	----

## 5. Phân tích hồi quy tuyến tính



Bảng 12: Bảng kết quả phân tích hồi quy tuyến tính.....	25
---	----